

QUYẾT ĐỊNH

của Ủy ban nhân dân tỉnh DakLak số 19/2003/QĐ-UB ngày 29/01/2003 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DAKLAK

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/6/1994;
- Căn cứ Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Căn cứ Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Căn cứ Thông tư số 25/2001/TT-BTC ngày 30/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Xét đề nghị tại văn bản số 55 TT/TC-HCSN ngày 15/01/2003 của Sở Tài chính- Vật giá,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh DakLak”.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2888/2001/QĐ-UB ngày 21/9/2001 và Quyết định số 2639/QĐ-UB ngày 01/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh DakLak.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2003.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh; Giám đốc sở Tài chính - Vật giá; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAKLAK

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Văn Lạng

QUY ĐỊNH

“Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn tỉnh DakLak”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2003/QĐ-UB ngày 29/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh DakLak)

Thực hiện Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội; Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và Thông tư số 25/2001/TT-BTC ngày 30/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001.

Ủy ban nhân dân tỉnh DakLak quy định cụ thể như sau:

Điều 1. Điện thoại cố định trang bị tại nhà riêng và điện thoại di động là tài sản của Nhà nước trang bị cho cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội để sử dụng cho hoạt động công vụ.

Điều 2.

1. Cán bộ cao cấp được quy định tại Quy định 68/QĐ-TW/21/10/1999 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, việc trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng thực hiện theo Quy định 68/QĐ-TW/21/10/1999 và hướng dẫn số 10/HD/TCTW, ngày 29/12/1999 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về việc thực hiện một số chế độ chính sách đối với cán bộ cao cấp.

2. Cán bộ được trang bị một máy điện thoại cố định tại nhà riêng (trừ các máy điện thoại do cơ quan chức năng trang bị theo yêu cầu đặc biệt) bao gồm:

a. Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b. Phó Bí thư và Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng các Ban Đảng của Tỉnh ủy.

c. Các Giáo sư được quy định tại điểm g, điều 2, Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

d. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bí thư Tỉnh đoàn.

e. Giám đốc sở ban, ngành, Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.

f. Bí thư, Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ, Thành uỷ, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện, thành phố Buôn Ma Thuột, Bí thư các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.

g. Phó các Ban Đảng của Tỉnh uỷ, Phó các Ban của HĐND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ, Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Thường trực Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

h. Phó Bí thư, Phó Chủ tịch HĐND và UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột.

i. Chánh Văn phòng Huyện uỷ, Thành uỷ và Chánh Văn phòng HĐND & UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 3. Các đối tượng nêu tại điểm a đến điểm g tại khoản 2, điều 2 của quy định này ngoài việc trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng còn được trang bị thêm một máy điện thoại di động.

Điều 4. Các đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động được thanh toán các khoản chi phí ban đầu như sau:

1. Chi mua máy không quá 300.000 đồng/máy đối với điện thoại cố định và 3.000.000 đồng/máy đối với điện thoại di động.

2. Chi phí lắp đặt máy, chi phí hòa mạng (hoặc cài đặt) thanh toán theo hóa đơn của cơ quan bưu điện tại thời điểm được trang bị máy.

3. Các khoản chi phí sửa chữa, thay thế khi điện thoại hư hỏng không thể sửa chữa, được ngân sách nhà nước thanh toán theo quy định hiện hành về quản lý tài sản của Nhà nước.

Điều 5. Mức thanh toán cước phí sử dụng điện thoại (kể cả tiền thuê bao) hàng tháng quy định như sau:

1. Cán bộ nêu tại điểm a của khoản 2, điều 2 nêu trên, mức thanh toán 300.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 500.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

2. Cán bộ nêu tại điểm b đến điểm e của khoản 2, điều 2 nêu trên, mức thanh toán 200.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 400.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

3. Cán bộ nêu tại điểm f và g của khoản 2, điều 2 nêu trên, mức thanh toán 100.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 250.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

4. Cán bộ nêu tại điểm a và i của khoản 2, điều 2 nêu trên, mức thanh toán 100.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định.

- Hàng tháng, cơ quan quản lý cấp tiền cho cán bộ được tiêu chuẩn trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động để thanh toán cước phí sử dụng điện thoại (kể cả tiền thuê bao) theo mức quy định trên.

- Trường hợp đặc biệt cán bộ phải trực tiếp tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống và khắc phục thiên tai ..., thì thời gian thực hiện nhiệm vụ được thanh toán theo thực tế.

Mức thanh toán trên là mức khoán thanh toán hàng tháng cho cán bộ.

Điều 6. Các cán bộ được tiêu chuẩn trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động, khi chuyển sang đảm nhận công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại hoặc sau khi có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác thì không được thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại. Riêng cán bộ nêu tại điểm a và b của khoản 2, điều 2 quy định này được tiếp tục thanh toán cước sử dụng điện thoại cố định trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

Điều 7. Kinh phí để phục vụ cho việc lắp đặt ban đầu, sửa chữa và thanh toán cước phí điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động cho các đối tượng, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Các nội dung không quy định tại quyết định này thì thực hiện theo đúng Thông tư số 73/2001/TT-BTC ngày 30/8/2001 của Bộ Tài chính.

- Giao cho Giám đốc sở Tài chính-Vật giá hướng dẫn thi hành quyết định này.

- Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAKLAK
CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Văn Lạng